



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 212 118

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Ho Van Cam
Last Middle First

Current Address: 135 Mac Dinh Chi, Soc Trang, Hau Giang

Date of Birth: _____ Place of Birth: _____

Previous Occupation (before 1975) _____
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From _____ To _____
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Số 1, ngày 11-4-1990

Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa VN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hồ Văn Cẩm

135 Mac Dinh Chi Chi xa Soc Trang
Hau Giang VN

Kính gửi

Bà Chủ tịch PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205 - 0635

Kính thưa bà

Có nhóm dân thủ của bà ngày 3.6.80 và
thủ của Hoa Kỳ tại Chi Lan cho biết họ
sẽ của tôi xin xuất cảnh sang Mỹ và số
212.118 (hình photo thủ dân kèm)

Họ sẽ của tôi gửi cho chính phủ Việt Nam
ngày 6.12.88 đến nay vẫn chưa được phía
Việt Nam xử lý, vì thủ thư gửi thủ
(Lời) của chính phủ Mỹ.

Đi thủ thư họ sẽ chuyển sang
Bé Nội Yu VN và miền Trung tâm di cư và làm
giúp. Cảm ơn thủ thư của bà con Bình và
giúp họ sang các con thiệp với tôi tại Chi
Lan cấp cho tôi thủ thư (Lời)

Còn với gia đình mang ơn suốt đời

Nay Kính

Uyển



Embassy of the United States of America

"Bangkok Thailand"

DATE: Aug 89

Mr. Mong Van
Dear Sir/Madam:

Ho Van Lam

This is to acknowledge receipt of the documents/letter for IV(s) 312118, which the ODP received on 2 MAR 89. We regret that the high volume of ODP cases and inquiries prevents our giving you a more formal response than this letter.

Please note that this is only to advise you that we have received your correspondence. It does not indicate that the file was reviewed. File review for LOI issuance is done in accordance with an established schedule of priorities. Once the review is completed, the relative or friend in the U.S. contacted should further documents or information be needed.

If a case already has an LOI, the next steps in the processing will normally be issuance of an exit permit and an interview with representatives of the ODP in Vietnam. This part of the processing is controlled by the Vietnamese authorities. If your friends or relatives in Vietnam are made available to the ODP for interview, the sponsor in the U.S. will be informed of any actions necessary.

Please notify the ODP immediately if the Principal Applicant in Vietnam or the sponsor in the U.S. has a change of address.

Sincerely,

NEW ADDRESS

Maria E. ...

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346-0001

ODP - 89
(193: 12/87)

Kính thưa Bà -

Cháu có đôi lời kính thăm
gia đình Bà, và cầu chúc gia
đình Bà được san sẻ như ý -
trong mùa xuân sắp đến -
thưa Bà cháu tên là Hiền -
cháu của Hồ Văn Cẩm - cháu
cũng không biết lý do nào mà
có và Đường của cháu ở VN ~~có~~
có địa chỉ của Bà, cho nên
có của cháu có gói một xấp
hồ sơ qua để nhờ Bà giúp
tổ chức. Thưa Bà chỉ của Đường
cháu đã làm giấy tổ bảo lãnh
cung cả 10 năm nay mới sau đây
có thấy tin tức gì cả. Thưa Bà
cách đây 2 năm cháu có về VN -
cháu được nhìn thấy chứng của
cháu sau khi 10 năm ở cái tạo
về cấp 10 mét đã bị mất đi -
thân hình chỉ còn xương với da -
cháu nhìn thấy rất là đau xót

Rình Thua Bā xin Bā vì Bồng nhân
đạo mà giúp đỡ đùm cho gia
đình Diòng Chau - con nên Bồng
không Bā có cách nào xin Bā vui
lòng cho' dân cho - con nên' như
Bā không thể' giúp đỡ được xin
Bā vui lòng gởi tất cả hồ sơ
về nhà của Chau ở Mỹ tới tháng
5 Chau sẽ phép Chau sẽ lấy -
Địa chỉ của Chau ở Mỹ -
Hee Broughner.

Và Chau xin Bā vui lòng cho Chau
xin vào chủ, để Chau biết Bā
có thể giúp đùm được không -
Chau có kèm theo báo thư dân
sản Tem - con như không được xin
Bā gởi tất cả hồ sơ về Mỹ
nhà của Chau ở Mỹ - Chau sẽ
gởi qua Saudi sẽ thất lạc -
Chau xin Thành thật cảm
ơn Bā. Hee.

QUESTIONNAIRE FOR GSP APPLICANTS

Hội gia đình-lũ nhân chính-tri VN
(của Bà KHUC-MINH-THU) làm chủ tịch.
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635
Tel (703) 560-0058
USA

A/- BASIC IDENTIFICATION DATA 9 LY HON CAN BAN

- 1 - Name : HỒ-VĂN-CẨM - Sex : Nam
(Họ, tên) (Giới)
- 2 - Other name :
(Họ, tên khác)
- 3 - Date, place of birth : 30-12-1929 tại PHƯỚC ĐÔNG LONG-AN
(ngày, nơi sinh)
- 4 - Residence Address : 135 Mac-dinh-Chi thị xã Sóc Trăng-Hà Giang VN
(Địa chỉ thường trú)
- 5 - Mailing Address : 135 Mac-dinh-Chi thị xã Sóc Trăng-Hà Giang VN
(Địa chỉ thư gửi) - HIỆU BRIGHTVIEW CC 83H PO BOX 167
- 6 - Current Occupation : Saudi arabian airlines JEDDAH 21231
(Nghề nghiệp hiện tại)
như chuyển về HỒ-VĂN-CẨM Saudi arabia địa chủ trìn

B/- RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi :

(NOTE : Your Spouse and Unmarried Children are the only Relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S)

(CHÚ Ý : Vợ chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa vợ (góa chồng) (W) hoặc độc thân (S)

N ^o	NAME (Họ tên)	DATE of Birth (ngày tháng)	Place of Birth (nơi sinh)	Sex (giới)	MS (tình trạng (lập hộ gia đình)	Relationship (quan hệ gia đình)
1	VÕ-THI-BACH	11.10.41	Khánh Hưng Sóc Trăng	Nữ		18
2	HỒ-TRÚC-MAI	10.12.67	Quinhơn	Nữ	Đã thành hôn	con
3	HỒ-TRÚC-PHƯƠNG	9.10.69	Quinhơn	Nữ	-nt-	con
4	HỒ-TRÚC-ĐÀO	16.8.71	Quinhơn	Nữ	-nt-	con
5	HỒ-NGUYỄN-KHANH	8.7.73	Quinhơn	Nam	con nhỏ	con
6	HỒ-TRÚC-LINH	21.7.75	Khánh Hưng Sóc Trăng	Nữ	-nt-	con

NOTE : For the persons listed above, We will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) Spouse ' s death certificate (if Widowed) Identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below.

(CHÚ Ý : cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy th' n (nếu lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ chồng (giấy gốc / gốc thế) thẻ của quốc (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn, chúng tôi với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần B

Q/- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Họ hàng ở ngoài Quốc :

	Of Myself (của tôi)	:	Of my Spouse (của vợ chồng)
1/- Closest relative in the U.S	:	:	:
(Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ)	:	:	:
a. Name (Họ tên)	:	:	:
b. Relationship (liên hệ gia đình)	:	:	:
c. Address (Địa chỉ)	:	:	:
d. Date of relatives Arrival in the US (ngày bà con đến Mỹ)	:	:	:
2/- Closest Relative in Other foreign Countries (Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác)	:	:	:
a. Name (Họ tên)	:	:	:
b. Relationship (liên hệ gia đình)	:	:	:
c. Address (Địa chỉ)	:	:	:
	:	:	:
	:	:	:
	:	:	:
	:	:	:
	:	:	:

2/- COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING / DEAD)

(Danh sách toàn thể gia đình (sống hoặc chết)

1/- Father (cha) :

2/- Mother (Mẹ) :

3/- spouse (vợ, chồng) : Võ - Thi - Bạch

4/- Former Spouse (if any) :

vợ/chồng trước (nếu có)

5/- Children (con cái) : 1. HỒ - NGUYỄN - MINH

2. HỒ - TRÚC - MẠI

3. HỒ - TRÚC - PHƯƠNG

4. HỒ - TRÚC - ĐÀO

5. HỒ - NGUYỄN - KHANH

6. HỒ - TRÚC - LINH

6/- **Spelling** (Anh chữ in)

7 - EMPLOYMENT BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE :

(Bọn hoặc vợ chồng đã có lần việc cho công sở của Chính phủ hoặc hãng)

1/- **Employee Name** (tên họ nhân viên)

- **Position title** (chức vụ)

- **Agency / Company / Office** (Bộ / Hãng / Văn Phòng)

- **Length of Employment :** From ? To :
(Thời gian làm việc) (từ) (tới)

- **Name of American Supervisor** (tên họ giám đốc Mỹ)

- **Reason for Separation :** (lý do nghỉ việc)

8 - SERVICE WITH CIVIL OR MILITARY BY YOU OR YOUR SPOUSE

(Bọn hoặc vợ/chồng đã công vụ với chính phủ Việt Nam)

1/- **Name of Person Serving :** (Họ tên người tham gia)

HỒ-VĂN-CẨM

2/- **Dates** (ngày tháng năm) From (từ) 22.8.1949 To (tới) 30.4.1975

3/- **Last Rank** (cấp bậc cuối cùng) Chuẩn - Tá

Serial number (số thẻ nhân viên) số quân 49/151.038

4/- **Ministry / Office / Military Unit** (Bộ / Sở / Đơn vị binh chủng)

Sĩ Quan Giáo trưởng Công Đoàn Hết Sĩ Đoàn 22 BB

5/- **Name of supervisor / C.O** (họ tên người giám sát / Sĩ quan chỉ huy)

Chuẩn - Chuẩn PHAN-ĐIỀU-NIỆM Chỉ huy Sĩ Đoàn 22 BB

6/- **Reason for Separation** (lý do nghỉ việc)

7/- **Name of American Advisor (S)** (họ tên cố vấn Mỹ)

8/- **U.S. Training Courses in Vietnam** (Các khóa huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam)

9/- **U.S. Awards or Certificates are of Award**
(khen thưởng hoặc giấy khen)

Date Received
(ngày nhận)

9 - TRAINING OUTSIDE VIETNAM OF YOU OR YOUR SPOUSE

(Bọn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc)

1/- **Name of Student / Trainer :** (họ tên sinh viên / người dạy huấn luyện)

2. School and School Address : (Trường và địa chỉ Nhà Trường)

3. Dates (ngày tháng năm) From (từ) To (tới)

4. Description of courses (Nội tất ngành học)

5. Who paid for training ? (Ai trả tiền cho việc học)
(Note : Please attach copies of diplomas or certificates, if available.
(chú ý : xin đem kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có)

RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

(Bạn hoặc vợ/ chồng đã học tập cải tạo)

1. Name of person in Reeducation : HỒ VĂN CẨM

(Họ tên người đi học tập cải tạo),:

2. Time in Reeducation: 8 năm 8 tháng. From : 8.5.1975 To : 29.1.1984
(thời gian học tập) 21 ngày (từ) (tới)

3. Still in Reeducation Yes No
(vẫn còn học tập cải tạo) (có) (không)

If Released, we must have a copy of your release certificate
(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

1. ANY ADDITIONAL REMARKS / Các chú phụ thuộc) Giấy tờ kèm theo -

1. Giấy ra trại
2. Bảng lương mao lương vụ
3. Hồ sơ
4. Ảnh sinh HỒ VĂN CẨM (có đóng ảnh)
5. Ảnh sinh VÕ THỊ BẠCH - nt -
6. Ảnh sinh HỒ TRÚC MẠI (nt -)
7. Ảnh sinh HỒ TRÚC PHƯƠNG - nt -
8. Ảnh sinh HỒ TRÚC ĐẠO - nt -
9. Ảnh sinh HỒ NGỌC KHANH - nt -
10. Ảnh sinh HỒ TRÚC LINH - nt -

Signature
(ký tên)

Cầm

HỒ VĂN CẨM

Date
(ngày) 2 12. 1988

CƠ NỘI VỤ
Trại **XUÂN LỘC**
Số **37** CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 11
năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thủ hành án văn, quyết định tha số **116/80** ngày **07** tháng **GI** năm **1984**

của **BỘ NỘI VỤ**

Mày cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **HỒ VĂN CẨM** Sinh năm **1929**

Các tên gọi khác:

Nơi sinh **Long An**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

278/89 Phan đình phùng, Sóc Trăng

Can tội **Thiếu tá sỹ quan hành chánh tác chiến**

Bị bắt ngày **08/05/1975** Án phạt **TTGT**

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị täng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại **278/89 Phan đình phùng, Sóc Trăng**

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế **hàng**)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **20** tháng **08** năm **19** **84**

Lưu tay ngón trỏ phải
Của **Hồ Văn Cẩm**

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **29** tháng **I** năm **19** **84**
Giám thị

Danh bản số _____

Lập tại _____

Đại úy : **HOÀNG XUAN**

Kính nhân Hồ Quang Cẩm Có
đến thăm gia đình tại địa phương
thị trấn Sông Cầu

Ngày: 30-01-1984
T.M. - C.T. H.T. phường 4
phố Cầu



Kính nhân & gia đình



III-2)

2) KINH TƯỚNG HẠO QUÂN VỤ

---ooOoo---

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐỊA PHƯƠNG

---ooOoo---

của Đại-Ủy Hồ-Văn-CẦM số quân 49/191.038 DON-VI : DD.22/TD

Tình trạng Dân sự : Chưa kết hôn

Sinh ngày : 30/12/1929 tại Phước-Dông : Tóc : Đen
 Tỉnh : CHỢ LỚN, nghề nghiệp : Y Tá : Mắt : Đen
 con của ông Võ-Danh và bà Võ-Danh : Trán : Vàng
 ngụ tại / Tỉnh / : Mũi : Tẹt
 Cưới vợ ngày : 09.03.1965 với cô Võ-Thị-DẠCH : Mũi : Vuông
 ngụ tại Khánh Hưng, Tỉnh SÓC-TRĂNG Giấy phép : Cao : 1 th 60
 số 196/QP/QL/13P ngày 12.12.1964 :

- QUÂN VỤ LIÊN TIẾP
- 22.8.1949 / : - Incorporé au titre du Bataillon Colonial de SAIGON CH'IN
 : à/c du 22.8.1949 comme Engagé volontaire pour 2 ans. Arrivé
 : au corps soldat de 2^e classe le dit jour. Affecté à la Cie
 : Cochinchinoise du B.C.S.C. à/c du 12.8.1949.
- 01.7.1950 / : - Nommé à l'emploi de 1^{er} classe par / du corps No 43 en date
 : du 30.6.1950 du Chef de Bataillon, Cdt le BCSC et p/c du
 : 01.7.1950.
- 01.3.1950 / : - Titulaire du C.A. au grade de Caporal classement 4^e/173
 : élèves. Note moyenne 15,67/20 avec la mention BIEN en date du
 : 01.3.1950 du Chef de Bataillon D.FONTES, Président de la Com-
 : mission d'examen.
- 01.7.1951 / : - Nommé au grade de caporal par / du Corps No 29 en date du
 : 30.6.1951 du Chef de Bataillon MARC, commandant le BCSC et
 : p/c du 01.7.1951.
- 22.8.1951 / : - Rengagé pour 1 an le 8.8.1951 et p/c du 22.8.1951
- 10.8.1952 / : - Titulaire au grade de sergent Classement 4^e/103 élèves
 : Note moyenne 16,76/20 avec la mention TRES BIEN en date du
 : 10.8.1952 du Chef de Bllon De la PRADÉ président de la com-
 : mission d'examen.
- 22.8.1952 / : - Rengagé pour 1 an le 05.3.1952 et p/c du 22.8.1952
- 01.8.1952 / : - Titulaire du CAT 2^o no 2 classé en échelle de solde No 2
 : par Décision du Corps No 23 en date du 27.9.1952 du Chef de
 : Bllon BONDET, Cdt le BCSC et p/c du 01.8.1952
- 01.10.1952 / : - Nommé au grade de sergent par / du corps No 63 en date du
 : 08.10.52 du Chef de Bllon BONDET, Cdt le BCSC et p/c 01.10.52
- 06.01.1953 / : - Titulaire du diplôme de dactylo délivré par l'école cen-
 : trale de commerce de SAIGON en date du 6.1.53 avec la mention
 : BIEN.
- 22.8.1953 / : - Rengagé pour 3 ans au titre du BCSC (Cie Cochinchinoise),
 : devant le chef de Bllon Cdt le BCSC à/c du 22.8.1953 homologué
 : gué par le chef de corps le 14.5.1953 sous le No 93
- 08.5.1953 / : - Détaché au Centre Psychotechnique de SAIGON le 08.3.1953
 : à rejoint l'unité le 3.5.1953.
- 26.3.1953 / : - A l'issue d'un stage Psychotechnique de SAIGON le 26.3.53
 : au 03.5.1953.
- 01.10.1953 / : - Présent à la Cie Cochinchinoise de BCSC dissoute le 30.6.
 : 1953. Psse à la 1^{re} Cie du BM du 2^o RIC créée le 01.10.1953
 : en exécution des prescriptions de la Note de service No
 : 49/191.038 du 20.8.1952 du 22.8.1952 du Corps d'Inde

01.10.1953 /: - Présent à la Cie Cochinchinoise de BCSC dissoute le 30.9.1953. Psse à la 1^{ère} Cie du BM du 2^o RIC créée le 01.10.1953 en exécution des prescriptions de la Note de service No 2.543/EMIFT/1/332 du 30.9.1953 du Général de Corps d'Armée : Cdt en chef en Indochine. Mutation prononcée par AM no I6.372/FTSV/MUT/1 du 01.10.1953 et p/c du 01.10.1953.
15.6.1954 /: - Du BM 2^o RIC affectée à la 153^e Cie de QG destinée au / 2

- 2 -

- : Centre Psychotechnique de SAIGON par AM no 1.499/FTSV/I/MUT en date du 20.6.1954 et AM No 293/251/MUT du Chef de Balon, Cdt le BM du 2^o RIC en date du 25.6.54 et p/c du 15.6.1954.
- 01.08.55 /: - Contrat résilié à/c du 01.8.1955 (date à laquelle l'intéressé est mis à la disposition du Cdt des FAFVN. par AM No I.741/EFF en date du 05/09/1955..
- 01.08.55 /: - ~~KOMKAK~~ Tái đăng trong thời hạn 2 năm ngày 01.8.1955 trước mặt Thiếu Tá CHT Đại Đội THD Bộ TTM để phục vụ tại ĐĐTHD /TTM với cấp :Bậc Trung sĩ đến có mặt ngày 01.08.1955. Quân vụ bắt đầu từ ngày này do QĐ số 09.II4/QP/NV/LQ/6 ngày 20.8.1955 khế ước được xác nhận bởi Sở Quân Nhu Bình Đoàn số 1 dưới số thứ tự 11.6U5 ngày 19.9.55
- 01.8.56 /: - Thăng cấp Trung sĩ I k/t 01.8.1956 do Công lệnh số 252 ngày 17.10.1956 của Thiếu Tướng Tham mưu Trường QĐVNCH.
- 01.8.57 /: - Tái đăng 2 năm k/t 01.8.1957 được xác nhận dưới số 05.504 ngày 22.4.1957 của Tham chánh Quân Nhu Quản trị số 6.
- 01.8.59 /: - Tái đăng 1 năm k/t 01.8.1959 trước mặt Thiếu Tá ĐDT/ĐĐTHD Bộ TTM với cấp bậc Trung sĩ I hiện dịch để phục vụ tại Viện Trắc Nghiệm Trung Ương QĐVNCH. Khế ước tái đăng được xác nhận dưới số 03.I41 ngày 27.4.59 của Sở H.C.T.C. số 06.
- 01.06.59 /: - Thuyên chuyển đến Trường Hạ sĩ Quan QĐVNCH (thăng số) do LTC số 05.I50/QP/NV/NVQĐ/LQ/TC/2 ngày 11.6.59. của Nha Nhân Viên BQP k/t 01.06.59. Xóa tên sổ Kiểm tra đơn vị ngày 31.5.1959. Lệnh thuyên chuyển số 05.I50/QP/NV/NVQĐ/LQ/TC2 ngày 11.6.1959 được hủy bỏ do :SVVT số 6.903/QP/NV/NVQĐ/LQ/TC3 ngày 26.8.1959.
- 01.II.59 /: - Thuyên chuyển đến Trung Tâm Huấn Luyện Quân Y (thăng số) do LTC số 10.693/QP/NVLQ/TC2 ngày 31.10.1959. Xóa tên sổ kiểm tra đơn vị ngày 31.10.1959.
- 01.08.60 /: - Tái đăng 1 năm k/t 01.08.1960 do QĐ số 002.475/HLQY/GH/KS ngày 18.4.60 của Trung Tá CHT Trung Tâm Huấn Luyện Quân Y đã được số :HCTC số 6 chấp nhận khế ước số 06.503/ ngày 18.7.60 của Tham chánh :Quân Nhu
- 16.05.60 /: - Thuyên chuyển đến phục vụ tại Viện Thí Nghiệm Trung Ương k/t 16.5.1960 do LTC số 043.041/QP/NV/NVQĐ/LQ/TC2 ngày 10.6.1960 của :Nha nhân viên BQP. Xóa tên sổ kiểm tra đơn vị k/t 16.5.1960..
- 01.10.60 /: - Được hưởng lương trật 3 k/t 1.10.60 do QĐ số 2203/IF/ ngày 30.9.1960 của Đại Tướng TMT/QĐVNCH.
- I.03.61 /: - Thuyên chuyển đến Trường HSQ/QĐVNCH (thăng số) k/t 01.03.1961 do :LTC số 2330/QP/NVLQ/TC2 ngày 27.04.1961 của Nha Nhân viên BQP.
- 27.02.61 /: - Khế ước cũ đương nhiên hủy bỏ sau ngày 26.02.61 được phép ký khế ước tái đăng 4 năm k/t ngày 27.02.1961 để theo học khóa 2 Đặc Biệt :Đào tạo Sĩ Quan Hiện Dịch. THAI. CHUẨU : Điều VII SVVT số 1016/TMT/ ngày 28.01.60 của Bộ TTM/QĐVNCH khế ước 4 năm được phê chuẩn số :2207/ ngày 28.11.1961 của S3 HCTC số 4.

- 1.02.62 - Được trúng tuyển kỳ thi mãn khóa 2 Đặc biệt đào tạo Sĩ Quan Hiện
: dịch với số điểm trung bình 14,784/20 và được xếp hạng thứ tự 35/344
: Được nghỉ phép mãn khóa 7 ngày từ 03.2.62 đến 10.2.62 và được cắt
: thuộc quyền sử dụng của Trung Đoàn 48 BB công vụ k/t 16.2.1962 do
: LBN số 1514/QP/NV/LQ/TC2 ngày 12.3.1962. của Nha Nhân viên BQP.
11.01.62 - Được thăng cấp Chuẩn-Ủy Hiện Dịch k/t 31.01.1962 do Nghị Định
: số 484/QP/ND ngày 27.03.1962.
1.02.62 - Được bổ nhậm về Trung Đoàn 48 BB k/t 16.02.1962 do LBN số 01.614/
: QP/NV/NVQĐ/TC/2 ngày 13.02.62 của Nha Nhân viên BQP. Thuyên chuyển
: về Tiểu Đoàn 1/48 BB k/t 01.03.1962 do LTC số 1.990/QP/NV/NVQĐ/TCI
: ngày 27.03.1962 của Nha Nhân viên BQP.

...../ 03

QUAN VỤ TIẾP TẠO (Trang Ba)

- 16-03.1963- Trung-Đoàn 48 BB đổi danh hiệu thành Trung-Đoàn 32 BB k/t 16.03.1963 do
ND số 322/QP/ND ngày 14.02.1963 và LBN số 00.320/TT/1/K ngày 06.03.63 của
Bộ TTM/QLVNH.
08-07-1963- Được cấp chuyển nghiệp Quan-sứ An-sở 510.0 do Lãnh phân loại số 2310/TĐ/
32/33 ngày 08.07.63 của Trung-Đoàn 32 BB.
01.02.1963- Được thăng cấp Thiếu-Ủy hiện dịch tạm thời kể từ 01.02.1963 do LD số 076/
QP/ND ngày 03.01.64 của Tổng Trưởng Quốc-Phong.
01.04.1964- Được điều chỉnh cấp bậc Thiếu-Ủy thực-thu kể từ 01.04.1964 do LD số 0413/
QP/ND ngày 09.08.1965 của Bộ Quốc-Phong.
01.04.1966- Thăng cấp Trung-Ủy hiện dịch kể từ 01.04.1966 do LD số 170/TT/ND ngày 14.
04.1966 của Bộ TTM.
01.03.1966- Được chỉ định theo học khóa Sĩ-Quan Hành-Chánh Tai-Chánh khai giảng ngày
01.03.1966 tại Trường Hành-Chánh Tai-Chánh do CD số 2721/TC 34 ngày 01.03.1966
của Sư-Đoàn 21 BB lên đường tham-huân ngày 09.03.1966 do CD số 1867/13 của Trung
Đoàn 32 BB.
01.03.1966- Thuyên-chuyển về Trường Hành-Chánh Tai-Chánh (Thang-sở) k/t 01.03.1966 do
LTC số 6059/TRD32/BI/HC ngày 05.06.1966 của Trung-Đoàn 32 BB.
15.09.1966 - Đến Trường HCTC theo học khóa Sĩ-Quan Cán-ban HCTC khai giảng ngày 07.09.
1966, mãn khóa ngày 15.09.1966. Trung-tuyển với số điểm trung bình chung 16,318/
20, được xếp hạng 13/49, lần khoa học được bổ nhậm về ĐDTH/ĐD22BB lên đường
đào-nhập đơn-vị ngày 19.09.1966 do DV/TC số 0935/QP/TCCT/VP/2 ngày 14.09.1966
của Ông Tổng Giám-Dục Tai-Chánh và Thanh-Tra Quan-Phi.
15.09.1966- Được cấp ASQS 720.0 do IPL số 1895/TCCTC/VP/IV ngày 15.09.1966 của
Trường Hành-Chánh Tai-Chánh.
16.09.1966- Thuộc Trường Hành-Chánh Tai-Chánh (Thang-sở). Thuyên chuyển về ĐD22BB/ĐDTH
công vụ kể từ ngày 16.09.1966 do LTC số 5.364/TTW/TCV/IV/HCL/D/K ngày 06.10.
1966 của Bộ TTM/QLVNH.
03.01.1967- Vì nhu cầu Công vụ này bổ-nhiệm Trung-Ủy HQ-VAN-CAN số-quan 49/151.038
giữ chức vụ Sĩ-Quan Tai-Chánh ĐD22BB/ĐDTH kể từ 03.01.1967 chánh thức nhận
ban giao do QD số 2.368/QP/TCCT/CD ngày 08.12.1966 của Ông Tổng Giám-Dục Tai-
Chánh và Thanh-tra Quan-Phi.
19.06.1968- Thăng cấp Đại-Ủy hiện dịch nhiệm chức kể từ 19.06.1968 do ND số 312/TTW/
ND ngày 21.06.1968 của Bộ TTM/QLVNH.
02.07.1968- Được gia-nhập Ngành Hành-Chánh Tai-Chánh do QD số 1.013/P/TCCT/CD/IV/39
ngày 02.07.1968 của Ông Tổng Giám-Dục Tai-Chánh và Thanh-Tra Quan-Phi.
01.01.1970- Thăng cấp Đại-Ủy hiện dịch thực-thu kể từ 01.01.1970 do LD số 065/TTW/
ngày 27.01.1970 của Bộ TTM/QLVNH.
17.01.1970- Trung-tuyển kỳ-thi mãn khóa huấn-luyện Sĩ-Quan Trung-cấp Hành-Chánh Tai-
Chánh tổ chức tại Trường Hành-Chánh Tai-Chánh từ 12.01.1970 đến 17.01.70 với
điểm trung bình chung 15,740/20 xếp hạng 15/47 do QD số 5.349/TTW/TCCT/IV/2
ngày 09.06.1970. Được cấp Bằng Sĩ-Quan Trung-cấp Hành-Chánh Tai-Chánh Tai-
nhân dưới số 015/4/12 ngày 25.06.70 của Đại-Tá Tổng Giám-Dục Tai-Chánh và TĐP.
17.05.1971- Sĩ-Đại-Đội-22/TĐ thuyên chuyển đến Trường Hành-Chánh Tai-Chánh (Thang-sở
tổng học) do LTC số 1683/ĐDTH/22/IV/38 ngày 17.05.1971 của ĐD22BB.
25.09.1971- Trung-tuyển kỳ-thi mãn khóa huấn-luyện Sĩ-Quan Cao-cấp Hành-Chánh Tai-
Chánh tổ chức tại Trường Hành-Chánh Tai-Chánh từ ngày 20.09.1971 đến 25.09.71
Trung-tuyển với điểm Trung-Bình chung 15,9018/20 xếp hạng 13/30. Được cấp Bằng
Sĩ-Quan Cao-cấp Hành-Chánh Tai-Chánh (ASQS.720) do QD số 9.757/TTW/TCCT/IV/2
ngày 02.11.1971 của Đại-Tá Tổng Giám-Dục Tai-Chánh và Thanh-Tra Quan-Phi.

01.10.1971- Thuộc Trường Hành-Chánh Tài-Chánh (Thang số tăng học) **Thuyên chuyển về**
 Đại-Đội-22/THD/SD22BB do LTC số 2.730/TUĐTC/THD/TH ngày 30.09.1971 của
 Trường Hành-Chánh Tài-Chánh.

-Médaille Commemorative No 53732 du 1.9.53
Croix de guerre du TOE avec Etoile de Bronze
No 2762 du 31.12.51.

YUY - C H U O H G

-01 DE THƯ BÁO QUỐC TẾ CÔNG CHĂNG 6 BL số 053/72/E
ngày 20.02.1972. 007/02

-01 LUC QUAN TUN CHUNG/DT-2 ngày 26.01.1966.
ngày 26.01.1966.

.....2.....!

HUY - CHUONG (Tiep trang 3)

- 01- Chiến Dịch Bôi-Tĩnh Nien hieu-49+54 do QĐ số 14/TRĐ32/PI ngày 01.9.55.
- 01- Chiến Dịch Bôi Tĩnh Nien-hieu- 1960 do QĐ số 014/TRĐ32/TC/CS ngày 26.2.66.
- 01- Chiến Thương Bôi-Tĩnh do QĐ số 03882/441/32 ngày 29.06.1964.
- 01- Danh Du Bôi-Tĩnh/Hàng-Nhất do QĐ số 386/TW/TW/QĐ/ĐĐBT ngày 19.06.1969.
- 01- Tham-Mưu Bôi-Tĩnh/Hàng Nhất do QĐ số 738/TW/TW/QĐ/THBT ngày 20.10.1968.
- 01- Quan-Phong Bôi-Tĩnh/Hàng 3 do QĐ số 366/SD22BB/TT/ĐD/PBT ngày 21.01.69
- 01- Quan Vu Bôi Tĩnh/Hàng- 3 do QĐ số 0378/SD22BB/TCT/ĐD/ĐVBT ngày 08.09.1966.
- 01- Thương-Lục Cap Trung-Đoan do CL số 171/SD22BB/TCT/CP ngày 12.09.1970.
- 01- Thương-Lục cap SU-ĐOAN do CL số 235/SD22BB/TCT/CP ngày 23.02.1969.
- 01- Thương Lục cap SU-ĐOAN do CL số 030/SD22BB/TCT/CP - 20.02.1971.
- 01- Thương-Lục cap SU-ĐOAN do CL số 065/SD22BB/TCT/CP - 17.04.1971.
- 01- Thương-Lục cap SU-ĐOAN do CL số 157/SD22BB/TCT/CP - 30.12.1971.
- 01- Thương-Lục cap SU-ĐOAN do CL số 002/CP/TCT/CL/CL ngày 12.01.1972.
- 01- Thương-Lục cap SU-ĐOAN do CL số 038/SD22BB/TCT/CL/CL- 24.03.1972.
- 01- Thương-Lục cap SU-ĐOAN do CL số 050/SD22BB/TCT/CL/CL- 30.06.1972.

NBC.40.78, ngày 07 tháng 11 năm 1972

ĐỀ- O - VÂN - SÍN

Đội trưởng Đội 22 Tổng Hành-Dinh
Khu Công-Huyện-Tổng Hành-Dinh/SĐ 22 BR

(Handwritten signature)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BA-XUYÊN

QUẬN KỶ XUYẾN

XÃ KHÁNH HƯNG

Số hiệu: 108

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng

HỒ-VĂN-CÁNH

nghề-nghiệp

Sĩ quan

sinh ngày

30

tháng

12

năm

1929

tại

Phước-Đông (CHỢ LỚN)

cư-sở tại

Khánh-Hung (Baxuyên)

tạm-trú tại

Tên họ cha chồng

Võ danh

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng

Võ danh

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ

VÕ-THỊ-BẠCH

nghề-nghiệp

Nội trợ

sinh ngày

11

tháng

10

năm

1941

tại

Khánh-Hung (Sóc Trăng)

cư-sở tại

Khánh-Hung (Baxuyên)

tạm-trú tại

Tên họ cha vợ

VÕ-VĂN-CHÍ (chết)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ

ĐỖ-THỊ-THUỖY 54 tuổi sống

(Sống chết phải nói)

— Ngày cưới

Chín tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm.

— Vợ chồng khai có hay không hôn khế

ngày

tháng

năm

tại

Trích y bản chính

Khánh-Hung, ngày **2** tháng **10** năm **1965**

Phó Chủ-Tịch

ỦY-BAN NHÂN-CHỨC HỘ-LẠI,

ỦY-BAN

Chủ-Tịch

HÀNH-CHÁNH

XÃ

KHÁNH-HƯNG

NGUYỄN-VĂN-DU

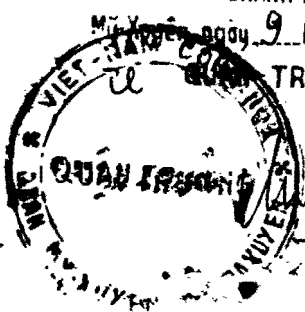
HỒ-NGỌC-THUẬN

CHỨNG-THẬT CHỦ KÝ CỦA

ỦY-BAN HÀNH-CHÁNH XÃ

Mỹ Xuyên ngày 9 thg. 11 năm 1965

TRƯỞNG



Phản Hồi Tỉnh

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Phước-Dông (CHOLON)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-nam)

Do ban-an thê-vi
khai-sanh số 3592/ND
ngày 18 tháng 10 năm
1955 của Tòa So-Thẩm
Saigon .

NĂM 1955
(Année)

SỐ HIỆU 308
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	HỒ VĂN CẨM
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 30 tháng 12 năm 1929
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phước-Dông
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	vô danh
Cha làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	vô danh
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	



Nhà ln Ng. vaneHuân - Saigon

Chúng tôi, Nguyễn Mạnh Nhu
(Nous)

Chánh-án Tòa Long-An
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Đào Kiên Sang
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit Tribunal).

Long-An, ngày 19 / 10 / 1959



Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

Long-An, ngày 19 / 10 / 1959

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền : XXXX

(Coût)

Biên-lai số :

(Quittance n°)

VIỆT NAM CỘNG-HOÀ

République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP

Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

HQB. BAYUYEN

(GREFFE DU TRIBUNAL DE _____)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Khánh Hưng

Tỉnh Bayuyen

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1941

(Année)

SỐ HIỆU 664

(Acte No)

Tên, họ đứa con nít	Võ thị Bạch
(Nom et prénom de l'enfant)	
Nam, nữ	Gái
(Sexe de l'enfant)	
Sanh ngày nào	11 Octobre 1941
(Date de naissance)	
Sanh tại chỗ nào	Khánh Hưng Sóc Trăng
(Lieu de naissance)	
Tên họ cha	Võ văn Chí
(Nom et prénom du père)	
Cha làm nghề gì	Collecteur
(Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu	Khánh Hưng
(Son domicile)	
Tên, họ mẹ	Bùi thị Trâm
(Nom et prénom de la mère)	
Mẹ làm nghề gì	Đua bán
(Sa profession)	
Nhà cửa ở đâu	Khánh Hưng
(Son domicile)	
Vợ chánh hay vợ thứ	/ / / /
(Son rang de femme mariée)	

Chúng tôi, Lo văn Bân

(Nous)

Chánh-án Toà HQB. BAYUYEN

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của

(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Nguyễn văn Hiếu

(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.

(Greffier en chef dudit tribunal).

Khánh Hưng ngày 3 / 3 / 1967CHÁNH - ÁN,
(LE PRÉSIDENT),Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),Khánh Hưng ngày 3 / 3 / 1967CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),Nguyễn văn HiếuGiả Hết:
(Côt)
Biên-lai số:
(Quittance No)Lo văn Bân

Số HIỆU 4491

KHAI SANH

Tên họ đù nhĩ	HỒ Trúc Mai
Phối	Nữ
Sinh ngày, tháng, năm	Ngày mười tháng mười hai năm
Một ngàn chín trăm	sau mười bảy (10.12.1967)
Tại	Bệnh viện Thanh Gia QUI NHON
Tên họ cha	HỒ Văn Cầm
Tuổi	38
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	K. B. C. 4. 078
Tên họ mẹ	VÕ Thị Bạch
Tuổi	27
Nghề nghiệp	Nội Trợ
Cư trú tại	31, Đường Hai Bà Trưng QUI NHON
Vợ (chánh hay thứ)	Chánh
Người khai	HỒ Văn Cầm
Tuổi	38
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	K. B. C. 4. 078
Ngày khai	Ngày Mười Hai tháng Mười hai năm
Một ngàn chín trăm	sau mười bảy (12.12.1967)
Người chứng thứ nhất	PHẦN THOI XUÂN
Tuổi	29
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	K. B. C. 4. 078
Người chứng thứ nhì	TRẦN THANH LONG
Tuổi	25
Nghề nghiệp	Quân nhân
Cư trú tại	K. B. C. 4. 078



NGƯỜI KHAI

HỒ Văn Cầm

Làm tại QUI NHON, ngày 12 tháng 12 năm 67

HỌ LẠI,

Ký tên

Vân Hòa

1. PHẦN THOI XUÂN

2. TRẦN THANH LONG

Nhân thực chủ ý của ông VÂN-HÒA
 Phó tịch UBND kiêm Hội trưởng Quận
 Quận ngày tháng năm 1967

T. L. TRẦN THƯỜNG KIỆM QUẢN DINH
 CHỦ SỰ PHÒNG HỒN CHÁNH

PHỤNG TRÍCH-LỤC

QUI NHON, ngày 27 tháng 01 năm 1968

CHỖ TỊCH KIỂM ĐY-VIÊN HỒ-LẠI,

Vân-Hòa

NGUYỄN-VÂN-THỨC

KHAI SINH

Số hiệu 4716

BẢN TÀI NHA IN LIÊN THAI QUI-NHON

Tên họ ấu nhi :	Hồ-Trúc-Phượng
Phái :	NỮ
Sanh ngày, tháng, năm,	Mười chín tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (09/10/1969)
Tại :	Bệnh viện Qui-Nhon
Tên họ Cha :	Hồ-Văn-Cầm
Tuổi :	40 tuổi
Nghề nghiệp :	Quân nhân
Cư trú tại :	K.B.C.4.078
Tên họ Mẹ :	Võ-Thị-Bạch
Tuổi :	28 tuổi
Nghề nghiệp :	Hội trợ
Cư trú tại :	31 Hai Bà Trưng Qui-Nhon
Vợ (chánh hay thứ) :	Chánh
Tên họ người khai	Hồ-Văn-Cầm
Tuổi :	40 tuổi
Nghề nghiệp :	Quân nhân
Cư trú tại :	K.B.C.4.078
Ngày khai :	Mười bốn tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.
Tên họ người chứng thứ nhất :	Bác-Sĩ Nguyễn-Minh, Giám Đốc Trung Tâm Y-Tế toàn khoa
Tuổi :	
Nghề nghiệp :	Bình Định theo giấy bảo sanh số 2142 cấp ngày 10/10/1969
Cư trú tại :	
Tên họ người chứng thứ hai :	
Tuổi :	/
Nghề nghiệp :	/
Cư trú tại :	/



MIỄN PHÍ

Làm tại Qui-Nhon, ngày 14 tháng 10 năm 1969

Người khai
Hồ-Văn-Cầm

Mộ lại
Nguyễn-Hậu.

Nhân chứng

CHỨNG NHẬT CHỖ KHAI SINH
ỦY VIÊN HỒ TỌA XẾ QUÂN QU
QUI-NHON ngày... tháng... năm 19...
CHỖ KHAI SINH

PHƯƠNG TRẠCH-LUC

CHỖ KHAI SINH 23 tháng 10 năm 1969
CHỖ KHAI SINH QUY-VIEN HO-TICH

ỦY VIÊN HỒ TỌA XẾ QUÂN QU
CHỖ KHAI SINH



Nguyễn-Hậu

NGUYỄN-VĂN-THU

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh (Thị Xã) QUI-NHON
Quận NHON-BINH

Xã (Phường) TRUNG-PHÚ

Trích - Lục Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 26 tháng 08 năm 19 71

Số hiệu 60



Nhà in XUÂN-HUNG 99 Gio Long Qui-Nhon

Tên họ đưa trẻ :	<u>HỒ-TRÚC-ĐÀO</u>
Con trai hay con gái :	<u>NỮ</u>
Ngày sanh :	<u>MƯỜI SÁU THÁNG TÂM NAM MỘT NGÀN CHÍN TRAM</u> <u>BẢY MƯƠI MỘT (16.08.1971)</u>
Nơi sanh :	<u>Trung Tâm Y-Tế toàn khoa QUI-NHON</u>
Tên họ người cha :	<u>HỒ-VĂN-CẨM</u>
Tên họ người mẹ :	<u>VÕ-THỊ-BẠCH</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú	<u>Chánh</u>
Tên họ người đứng khai :	<u>HỒ-VĂN-CẨM</u>



TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

QUI-NHON ngày 7 tháng 08 năm 1974
Viện chức hộ tịch



TRẦN-VĂN-TRIỂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Tỉnh (Thị xã) QUI-NHƠN

Quận PHƯỚC TRUNG

Xã (Phường) TRUNG-PHÚ

Số hiệu 282



Trích - Lục Bộ Khai - Sanh

Lập ngày 10 tháng 07 năm 1973

Tên họ đứa trẻ :	<u>HỒ-NGỌC-KHÁNH</u>
Con trai hay con gái :	<u>Nam</u>
Ngày sanh :	<u>Mùng Tám tháng bảy năm một nghìn chín trăm bảy mươi ba (08.07.1973)</u>
Nơi sanh :	<u>Phường Trung-Phú thị xã QUI-NHƠN</u>
Tên họ người cha :	<u>HỒ-Văn-Cầm</u>
Tên họ người mẹ :	<u>VÕ-Thị-Bạch</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú :	<u>chánh</u>
Tên họ người đứng khai :	<u>HỒ-Văn-Cầm</u>



TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH :

QUI-NHƠN, ngày 10 tháng 07 năm 1973

VIÊN CHỨC HỘ TỊCH



TRẦN-VĂN-TRIỂN

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Phước 4
Thị xã Quận Sóc-Trăng
Thành phố, tỉnh Hậu-Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 2105

Quyển số 01

Họ và tên :	HỒ TRÚC LINH	Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm :	Ngày Hai Mươi Một, tháng Bảy, năm Một Ngàn Chín Trăm Bảy Mươi Lăm (21/07/1975)	
Nơi sinh	Xã Khánh-Hưng, Tỉnh Sóc-Trăng (cũ)	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	HỒ VĂN CẨM 1929	VÕ THỊ BẠCH 11-10-1941
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt-Nam	Việt-Nam
Nghề nghiệp		Buôn bán
Nơi ĐKNK thường trú		278/89, Phan-Đình- Phùng, K.6, P.4, TXST
Họ, tên tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	VÕ THỊ BẠCH, năm sinh 1941 Số 278/89, Đường Phan-Đình-Phùng, Khóm 6 Phường 4, Thị xã Sóc-Trăng, Tỉnh Hậu-Giang Giấy CMND.Số : 360145521	

NGƯỜI THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 17 tháng 09 năm 1981

TM. UBND Phước 4 ký tên đóng dấu



Đang ký ngày 14 tháng 12 năm 1981

(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

CHỦ TỊCH

(đã ký)

NGUYỄN VĂN MẠNH

HIEU BREIGNER
C.C. 834. PO BOX 167.
SAUDI ARABIAN AIRLINES
JEDDAH 21231 SAUDI
ARABIA

POSTAGE DUE 15¢

KHUC MINH THU

P.O. BOX 5435

ARLINGTON - V.A.

22205.

U.S.A.



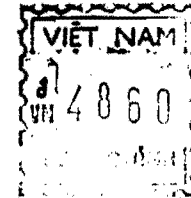
mead

CLASP 74010
6 IN. X 9 IN.



HIEU BREIGHNER.
C.C. 834 P.O. BOX 167.
SAUDI ARABIAN AIRLINES
JEDDAH 21231 SAUDI ARABIA

FROM: HỒ VĂN CẨM
135 Mai Đình Chu, Mị Xá, Sóc Trăng
Hải Phòng VN.



12g = 4860

PARAVION



TO: PO BOX 5435
MAY 01 1990
ARLINGTON VA 22205-0635
Tel: 703-560-0058
USA.